

Số: /GPMT-KCNKKT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

**TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 04 năm 2024 của Công ty TNHH Chiếu sáng Artmax Việt Nam do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Chiếu sáng Artmax Việt Nam tại Văn bản số 02-DC/ARTMAX ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy

phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm kim loại như các linh kiện của đèn tròn, đèn chùm, đèn tường, đèn bàn, đèn trần quy mô 780.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.350 tấn sản phẩm/năm)”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 04 năm 2024 của Công ty TNHH Chiêu sáng Artmax Việt Nam, có địa chỉ tại đường N4, KCN Dệt may Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024.

Điều 2. Công ty TNHH Chiêu sáng Artmax Việt Nam tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 04 năm 2024 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này (cấp điều chỉnh lần 1).

Điều 3. Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần 1) có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Nhơn Trạch;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo;
- Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN, KKT tỉnh;
- Lưu: VT, MT (Tr.L).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Việt Phương

PHỤ LỤC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT
(cấp điều chỉnh lần 1) ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý
các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

1. Điều chỉnh, cập nhật thông tin chung của dự án tại Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024:

- Điều chỉnh Điều 1 của Giấy phép môi trường thành:

“Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Chiếu sáng Artmax Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm kim loại như các linh kiện của đèn tròn, đèn chùm, đèn tường, đèn bàn, đèn trần quy mô 780.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.350 tấn sản phẩm/năm)” tại KCN Dệt may Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.”

- Điều chỉnh thông tin chung của dự án tại mục 1 Điều 1 của Giấy phép môi trường thành:

“1.1. Tên dự án: “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm kim loại như các linh kiện của đèn tròn, đèn chùm, đèn tường, đèn bàn, đèn trần quy mô 780.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.350 tấn sản phẩm/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường N4, KCN Dệt may Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (thuê một phần nhà xưởng số 14 với diện tích 2.800 m² của Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 3603931170 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 7648175461 chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2023, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 6 năm 2025 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp.”

1.4. Mã số thuế: 3603931170

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm kim loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Diện tích nhà xưởng thuê của dự án 2.800 m² (thuê một phần nhà xưởng số 14 của Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á).

- Tiêu chí về môi trường: Dự án nhóm III.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất, gia công các sản phẩm kim loại như các linh kiện của đèn tròn, đèn chùm, đèn tường, đèn bàn, đèn trần quy mô 780.000 sản phẩm/năm (tương

đương 1.350 tấn sản phẩm/năm).

- Tóm tắt quy trình sản xuất của dự án: Chuẩn bị nguyên liệu → Cắt, tạo ren vật liệu → Uốn, dập thanh thép/mài tiện → Hàn nối → Mài → Kiểm tra → Xử lý bề mặt thép (bằng hoá chất hoặc bằng buồng phun cát) → Sấy khô → Sơn tĩnh điện dạng bột → Sấy khô → Kiểm tra → Sơn tĩnh điện ướt (nếu sản phẩm không đạt) → Kiểm tra thành phẩm → Nhập kho, xuất hàng.”

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:

- Điều chỉnh nội dung Mục 1.1, Phần B Phụ lục 1 của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024 thành:

“Nước thải sinh hoạt phát sinh 4,72 m³/ngày.đêm được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 6 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á), công suất thiết kế 400 m³/ngày.đêm.”

3. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

- Điều chỉnh bổ sung nguồn phát sinh khí thải tại Mục 1, khoản 1, Phần A Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024 thành:

“1. Nguồn phát sinh khí thải:

....

- Nguồn số 05: Bụi, khí thải từ buồng phun sơn tĩnh điện 03.

- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ công đoạn gia công cơ khí.”

- Điều chỉnh mạng lưới thu gom khí thải tại Mục 1.1, khoản 1, Phần B Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024 thành:

“1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:

....

- Nguồn số 03: Hơi hoá chất phát sinh từ công đoạn xử lý bề mặt bằng hoá chất được thoát ra ngoài môi trường thông qua hệ thống quạt hút thông gió của nhà xưởng.

- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn xử lý bề mặt bằng cơ học được thu gom bằng đường ống của máy hút dẫn về thiết bị lọc túi vải đi kèm với máy phun cát để thu gom (không có dòng khí thải).

- Nguồn số 05: Bụi, khí thải từ buồng phun sơn tĩnh điện số 03 được thu gom và đưa về hệ thống lọc túi vải (không có dòng khí thải).

- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ công đoạn gia công cơ khí, có kích thước hạt lớn, không phát tán lên cao, đồng thời sẽ được thu gom dưới dạng chất thải rắn tại ngăn chứa bụi đi kèm với máy (không có dòng thải).”

- Điều chỉnh công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải tại Mục 1.2, khoản 1, Phần B Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024 thành:

“1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: 03 hệ thống xử lý bụi, khí thải:

....

1.2.3. Hệ thống thu gom hơi hóa chất phát sinh từ công đoạn xử lý bề mặt (nguồn số 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi → Quạt hút thông gió → Môi trường (không có dòng thải).

- Công suất quạt hút: 03 quạt hút công suất lần lượt là 5HP, 3HP và 30.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.4. Bụi phát sinh từ công đoạn xử lý bề mặt bằng cơ học (nguồn số 04)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Túi vải kèm theo máy (không có dòng thải).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải.

1.2.5. Hệ thống thu gom, xử lý bụi phát sinh từ công đoạn sơn tĩnh điện (nguồn số 05)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Buồng sơn số 03 → Quạt hút → Lọc bụi túi vải → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 1.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lọc bụi túi vải.

1.2.6. Bụi phát sinh từ công đoạn gia công cơ khí (nguồn số 06)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Ngăn chứa bụi kèm theo máy (không có dòng thải).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.”

4. Điều chỉnh nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

- Điều chỉnh bổ sung nguồn số 04, 05 và 06 tại Mục 1, Phần A Phụ lục 3 của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024 thành:

“Nguồn số 04: Từ quạt hút hệ thống xử lý bụi, khí thải từ buồng phun sơn tĩnh điện 01, 02.

Nguồn số 05: Từ quạt hút hệ thống xử lý bụi khí thải từ hệ thống sơn ướt.

Nguồn số 06: Từ quạt hút hệ thống lọc bụi túi vải từ buồng phun sơn tĩnh điện 03.”

- Điều chỉnh bổ sung vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung nguồn số 04, 05 và 06 tại Mục 2, Phần A Phụ lục 3 của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024 thành:

“Nguồn số 04: Tủ quạt hút hệ thống xử lý bụi, khí thải từ buồng phun sơn tĩnh điện 01, 02. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1183062; Y = 410075.

Nguồn số 05: Tủ quạt hút hệ thống xử lý bụi khí thải từ hệ thống sơn ướt. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1183048; Y = 410092.

Nguồn số 06: Tủ quạt hút hệ thống lọc bụi túi vải từ buồng phun sơn tĩnh điện 03. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1183071; Y = 410081.”

5. Điều chỉnh nội dung cấp phép về quản lý chất thải và yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Điều chỉnh nội dung khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Mục 1.1, Phần A Phụ lục 4 của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024 thành:

“1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Phế liệu thải (thép) không lẫn với CTNH (Bao gồm phế liệu thải từ các công đoạn gia công cơ khí và sản phẩm không đạt chất lượng)	11 04 03	Rắn	TT-R	26.620
2	Cát thải từ công đoạn làm sạch bề mặt bằng cơ khí (gồm: Cát, ghỉ, bụi kim loại) không dính hóa chất	07 03 18	Rắn	TT	254
3	Giấy, bìa carton	18 01 05	Rắn	TT-R	50
4	Bao bì nylon	18 01 06	Rắn	TT-R	516
5	Bùn từ bể tự hoại	10 02 09	Bùn	TT	2.485
Tổng khối lượng					29.925

...”

- Điều chỉnh nội dung khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên tại Mục 1.2, Phần A Phụ lục 4 của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024 thành:

“1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	10
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	5
Tổng khối lượng					15

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Sản phẩm không đạt chất lượng thải (loại sau khi sơn)	11 04 01	Rắn	KS	666
2	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại (Gồm các dung dịch hóa chất thải từ quá trình làm sạch bề mặt bằng hóa chất)	07 01 06	Lỏng	KS	64.000
3	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (Bao gồm các loại hóa chất dùng cho công đoạn xử lý bề mặt bằng hóa chất)	19 05 03	Rắn/ lỏng	KS	600
4	Cặn sơn, sơn (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	Rắn/ lỏng	KS	1.440
5	Nước thải có các thành phần nguy hại (từ các hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi)	19 10 01	Lỏng	KS	13.824
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	246
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 02	Rắn	KS	2.040
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải: Chủ yếu là bao bì chứa các loại hóa chất, sơn và dung môi pha sơn	18 01 03	Rắn	KS	510
9	Cát thải từ HTXL khí thải	18 02 01	Rắn	KS	600
Tổng khối lượng					83.926

Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

- Điều chỉnh nội dung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Mục 1.3, Phần A Phụ lục 4 của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 04 năm 2024 thành:

“1.4. Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng phát sinh dự kiến: 10,309 tấn/năm

+ Nhóm thực phẩm: 7,216 tấn/năm.

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác: 3.093 tấn/năm.”

6. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh

- Công ty TNHH Chiêu sáng Artmax Việt Nam tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung điều chỉnh và thể hiện trong hồ sơ vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp để kiểm soát vận hành của các công trình xử lý chất thải và chịu trách nhiệm hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm về giới hạn tiếp nhận và lưu lượng xả thải.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT theo Giấy phép môi trường đã được phê duyệt.

- Đối với các nguồn xả khí thải bên trong nhà xưởng (nguồn số 03 đến 05): Phải đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy chuẩn của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này và các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-KCNĐN ngày 22 tháng 4 năm 2024 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**